

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2023.

V/v: **Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Hải Đăng.

2. Ông Lý Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2023, về việc: “**Ly hôn và tranh chấp về nuôi con**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Hồng N - sinh năm 1988, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp 9, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.**

2. Bị đơn: **Ông Ngô Văn H** - sinh năm 1979, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp 9, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2023, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn **bà Lê Hồng N** như sau:

Bà kết hôn với ông Ngô Văn H vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông bà sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, khác biệt trong cách sống, quan điểm sống nên ông bà không có tiếng nói chung. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy ông bà không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình

cảm yêu thương gì đối với ông Ngô Văn H nên bà xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn H.

Thời gian chung sống ông bà có 01 người con chung tên **Ngô Văn C** - sinh ngày **14/11/2006**.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam kết trong quá trình sống chung ông bà không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Ngô Văn H.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng **nuôi con**.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: **Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên** không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Bị đơn **ông Ngô Văn H** trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của **bà Lê Hồng N** về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung, ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **đồng ý** ly hôn với **bà Lê Hồng N**.

Về con chung: **Ông đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dưỡng**.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa **bà Lê Hồng N** và **ông Ngô Văn H** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lê Hồng N và ông Ngô Văn H **đều có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt bà N và ông H không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án** nên Hội đồng xét xử

quyết định xét xử vắng mặt bà N và ông H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hồng N và ông Ngô Văn H sống chung với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Trong quá trình chung sống, ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Lê Hồng N và ông Ngô Văn H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Lê Hồng N và ông Ngô Văn H có 01 người con chung tên Ngô Văn Cường - sinh ngày 14/11/2006. Hiện nay do bà Lê Hồng N đang nuôi dưỡng. Bà Lê Hồng N và ông Ngô Văn H đều thống nhất giao cháu Ngô Văn C - sinh ngày 14/11/2006 cho bà Lê Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cháu Cường cũng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Hồng N không yêu cầu ông Ngô Văn H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Hồng N và ông Ngô Văn H đều xác định ông bà không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Hồng N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006781, ngày 24/4/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Lê Hồng N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, 53 và 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hồng N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Hồng N và ông Ngô Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Lê Hồng N và ông Ngô Văn H về việc giao cháu Ngô Văn C - sinh ngày 14/11/2006 cho bà Lê Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Ngô Văn H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Hồng N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006781, ngày 24/4/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang